

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **04** /2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về
quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều các Luật có liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng (viết tắt là Nghị định 15/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2008/TT-BXD-BNV ngày 16/12/2008 của liên Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, quyền hạn của UBND cấp xã về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng (viết tắt là Thông tư 10/2013/TT-BXD); Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình (viết tắt là Thông tư 13/2013/TT-BXD);

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 25/SXD-QLHDXD ngày 09/01/2014; ý kiến của các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công Thương; UBND các huyện, thành phố, thị xã; Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 903/BC-STP ngày 04/11/2013,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan liên quan, các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Cổng TT điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Các Phòng chuyên môn VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, XD.
- Gửi: VB giấy và điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn



QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2014/QĐ-UBND
ngày 22 /01/2014 của UBND tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước các cấp và các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng được quy định tại Nghị định 15/2013/NĐ-CP, Thông tư 10/2013/TT-BXD, Thông tư 13/2013/TT-BXD và các quy định pháp luật liên quan.

2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng với chủ đầu tư, nhà thầu trong nước, nhà thầu nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện.

Điều 3. Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp UBND tỉnh quản lý chất lượng công trình chuyên ngành theo Điều 41 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau :

1. Sở Xây dựng.

a) Quản lý chất lượng các công trình dân dụng, công nghiệp, vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện công tác thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên; nhà máy xi măng cấp II, cấp III; công trình công cộng cấp II;

công trình công cộng cấp III có mức vốn công trình ≥ 3 tỷ đồng; công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II, cấp III sử dụng vốn ngân sách nhà nước và cấp II đối với công trình sử dụng vốn khác; trừ những công trình do Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng quyết định đầu tư.

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng các công trình quy định tại mục b khoản 1 Điều này.

2. Sở Giao thông Vận tải.

a) Quản lý chất lượng công trình giao thông trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện công tác thẩm tra thiết kế xây dựng công trình cầu, hầm, đường bộ cấp II, cấp III đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và cấp II đối với công trình sử dụng vốn khác; công trình đường sắt, sân bay, bến, ụ nâng tàu, cảng bến đường thủy, hệ thống cáp treo vận chuyển người từ cấp II trở xuống; trừ những công trình do Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông Vận tải quyết định đầu tư.

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng các công trình quy định tại mục b khoản 2 Điều này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện công tác thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ, cống lấy nước, kênh, đường ống kín dẫn nước, đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và công trình thủy lợi khác từ cấp II trở xuống; trừ công trình cấp IV có mức vốn công trình < 3 tỷ và công trình do Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư.

c) Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng các công trình quy định tại mục b khoản 3 Điều này.

4. Sở Công Thương.

a) Quản lý chất lượng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện công tác thẩm tra thiết kế xây dựng công trình đường dây tải điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin cấp II, cấp III; công trình nhà máy lọc dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống dẫn xăng, dầu khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp từ cấp II trở xuống; trừ những công trình do Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công thương quyết định đầu tư.

c) Thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng các công trình quy định tại mục b khoản 4 Điều này.

Điều 4. Công tác kiểm tra nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các Khu kinh tế do Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 5. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1. Quản lý chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn huyện, bao gồm:

a) Công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật có mức vốn công trình < 3 tỷ đồng không phân biệt nguồn vốn và các công trình do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư;

b) Công trình giao thông cấp IV do UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư.

c) Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn có mức vốn công trình < 3 tỷ đồng không phân biệt nguồn vốn và các công trình cấp IV do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

d) Công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành cấp IV do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Thực hiện công tác thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công cộng cấp III có mức vốn công trình < 3 tỷ đồng; công trình hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ, cống lấy nước, kênh, đường ống kín dẫn nước, đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và công trình thủy lợi khác cấp IV có mức vốn công trình < 3 tỷ đồng.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 6. Ủy ban nhân dân cấp xã: Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Chương III

NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 7. Sở Xây dựng

1. Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Hướng dẫn UBND cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật và của UBND tỉnh về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Thanh tra, kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và thanh tra, kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn; xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng.

4. Thẩm tra thiết kế xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định này.

5. Công bố trên trang thông tin điện tử Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng về thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng (bao gồm các sai phạm bị xử lý) trên địa bàn theo quy định của pháp luật và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng. Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất về năng lực hoạt động thực tế của tổ chức, cá nhân để bổ sung thêm năng lực hoặc loại khỏi danh sách những đơn vị không bảo đảm theo đăng ký.

6. Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Ban quản lý khu kinh tế.

7. Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chỉ định tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện giám định chất lượng công trình xây dựng, giám định sự cố công trình xây dựng trên địa bàn; báo cáo Bộ Xây dựng, UBND tỉnh về sự cố công trình xây dựng.

8. Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện, kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng trên địa bàn.

9. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh định kỳ, đột xuất về tình hình chất lượng công trình xây dựng và công tác thẩm tra thiết kế xây dựng trên địa bàn; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn để báo cáo Bộ Xây dựng định kỳ hàng năm.

10. Thông báo đến Kho bạc Nhà nước các cấp, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan những công trình có các sai phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng để xử lý theo quy định của pháp luật.

11. Lưu trữ hồ sơ thẩm tra và thiết kế cơ sở, hồ sơ cấp phép xây dựng theo quy định.

12. Được quyền yêu cầu, thuê hoặc chỉ định các đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện một số nội dung về công tác thẩm tra thiết kế và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

13. Tổ chức bộ phận chuyên trách để giúp Giám đốc sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thẩm tra, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 8. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương)

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Tổ chức thẩm tra thiết kế xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng các công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại điểm b và điểm c của các khoản 2, 3 và 4 Điều 3 Quy định này.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại điểm c của các khoản 2, 3 và 4 Điều 3 Quy định này.

4. Tổ chức bộ phận chuyên trách để giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thẩm tra, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

5. Thông báo đến Kho bạc Nhà nước các cấp, Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan những công trình có các sai phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng để xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các công việc nêu tại khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 7 Quy định này.

7. Tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình chất lượng công trình xây dựng và công tác thẩm tra thiết kế các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn về Sở Xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 02, Quy định này để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng.

8. Lưu trữ hồ sơ thẩm tra, hồ sơ thiết kế cơ sở công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định.

9. Được quyền yêu cầu, thuê hoặc chỉ định các đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện một số nội dung công tác thẩm tra thiết kế và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

Điều 9. Các Sở, ban, ngành; Ban quản lý Khu kinh tế có dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là ngành).

1. Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc ngành ; tổ chức bộ phận theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp công tác quản lý chất lượng.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Bộ Xây dựng tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quản lý chất lượng xây dựng, giám định chất lượng và giám định sự cố công trình xây dựng các dự án đầu tư xây dựng do ngành quản lý.

3. Tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình chất lượng công trình xây dựng của ngành quản lý về Sở Xây dựng theo mẫu Phụ lục số 02, Quy định này để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng.

4. Chỉ đạo đơn vị trực thuộc quản lý và sử dụng công trình tổ chức thực hiện bảo trì, bảo hành công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

5. Lưu trữ hồ sơ thiết kế, bản vẽ hoàn công, hồ sơ quản lý chất lượng công trình xây dựng do đơn vị quản lý.

Điều 10. Cơ quan cấp phát, thanh toán các cấp

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo quy định của nhà nước và UBND tỉnh.

2. Thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách khi các công trình (hạng mục công trình) đã được thi công và nghiệm thu theo các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Quy định này.

3. Trên cơ sở thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán các khối lượng bị phát hiện các sai phạm về chất lượng xây dựng hoặc các chủ đầu tư không thực hiện công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định.

Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp tại Điều 5 Chương II Quy định này.

2. Phòng Kinh tế hạ tầng (hoặc Phòng Quản lý đô thị đối với thành phố, thị xã) và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn về xây dựng của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, có chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

a) Trình UBND cấp huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

b) Hướng dẫn UBND cấp xã, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

c) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp tại Điều 5 Chương II Quy định này và các công trình xây dựng trên địa bàn;

d) Tổ chức thẩm tra thiết kế xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng các công trình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức thực hiện công tác tập huấn phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, công tác kiểm tra chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

e) Hướng dẫn giải quyết và lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định; đề xuất hướng giải quyết những tranh chấp về chất lượng xây dựng. Trường hợp cần thiết, tham mưu cho UBND cấp huyện có văn bản đề nghị

Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hướng dẫn để tổ chức thực hiện;

g) Kiến nghị với UBND cấp huyện trong việc xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng;

h) Tổng hợp tình hình, báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình chất lượng công trình xây dựng và công tác thẩm tra thiết kế trên địa bàn về Sở Xây dựng theo mẫu Phụ lục 01 Quy định này;

i) Lưu trữ hồ sơ cấp phép xây dựng; hồ sơ thẩm tra thiết kế, quản lý chất lượng công trình theo quy định.

k) Bố trí bộ phận chuyên môn để giúp UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thẩm tra, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn.

2. Tổ chức thực hiện việc xây mới, cải tạo, sửa chữa, duy tu, bảo trì, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; phân công cán bộ theo dõi và tổ chức thực hiện việc quản lý, kiểm tra quá trình thi công công trình theo nội dung giấy phép xây dựng, các điều kiện bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn trong thi công, như: lằng rào thi công, màn che chắn công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, rác thải xây dựng, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

4. Tổ chức, hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý các ý kiến của nhân dân trên địa bàn trong công tác giám sát cộng đồng về chất lượng công trình xây dựng. Nếu vượt quá thẩm quyền báo cáo lên cơ quan quản lý xây dựng cấp trên.

5. Phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức thực hiện công tác tập huấn phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, công tác kiểm tra về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

6. Lập danh mục, theo dõi và lưu trữ hồ sơ các công trình, dự án khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này); định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo UBND cấp huyện.

7. Phối hợp với Phòng Kinh tế hạ tầng (hoặc Phòng Quản lý đô thị) lập danh mục công trình xảy ra sự cố trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế; lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của nhân dân trên địa bàn.

Điều 13. Thẩm tra thiết kế công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với công trình không sử dụng vốn ngân sách nhà nước được quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, với các nội dung chính như sau:

a) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế so với yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật: Kiểm tra điều kiện năng lực của tổ chức khảo sát, thiết kế; kiểm tra điều kiện năng lực của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế.

b) Sự phù hợp của thiết kế với các quy chuẩn kỹ thuật, các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình;

c) Mức độ đảm bảo an toàn chịu lực của các kết cấu chịu lực của công trình và các yêu cầu về an toàn khác, bao gồm: Sự phù hợp của giải pháp thiết kế nền - móng với đặc điểm địa chất công trình, kết cấu công trình và an toàn đối với các công trình lân cận; sự phù hợp của giải pháp kết cấu với thiết kế công trình, với kết quả khảo sát xây dựng và với công năng của công trình.

2. Đối với các công trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách nhà nước, công trình sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, công trình đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản tập trung, công trình được đầu tư theo hình thức: Xây dựng - chuyển giao (BT), xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp tác công - tư (PPP) và những công trình đầu tư bằng những nguồn vốn hỗn hợp khác theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, với các nội dung chính như sau:

a) Bao gồm nội dung quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 của Điều này;

b) Sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế cơ sở hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;

c) Sự hợp lý của thiết kế để đảm bảo tiết kiệm chi phí trong xây dựng công trình: Kiểm tra việc áp dụng đơn giá, định mức của dự toán; đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn trực tiếp thẩm tra thiết kế thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm tổng hợp, lập thông báo kết quả thẩm tra thiết kế theo quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư 13/2013/TT-BXD và đóng dấu vào các bản vẽ thiết kế đã được thẩm tra. Mẫu dấu thẩm tra thiết kế theo quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này. Trong kết quả thẩm tra cần nêu rõ những nội dung chưa đạt yêu cầu cần phải sửa đổi để trình thẩm tra lại (nếu có) trước khi cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ thẩm tra đóng dấu thẩm tra vào hồ sơ để lưu trữ.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng có thông báo về kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn bằng văn bản theo quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư 13/2013/TT-BXD để chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo.

Chủ đầu tư xây dựng công trình và nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế xây dựng công trình theo kết quả thẩm tra và ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng trước khi quyết định phê duyệt thiết kế.

4. Các bản vẽ thiết kế đã được thẩm tra, đóng dấu được giao lại cho chủ đầu tư và chủ đầu tư có trách nhiệm lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chủ đầu tư có trách nhiệm đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi cần xem xét hồ sơ đang lưu trữ. Chủ đầu tư nộp file bản vẽ và dự toán hoặc file bản chụp (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm tra) về cơ quan chuyên môn về xây dựng để quản lý.

5. Trường hợp cần thiết thì người phê duyệt thiết kế đề xuất với cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm tra thêm các nội dung khác ngoài các nội dung cần thẩm tra đã quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này.

6. Thẩm tra thiết kế khi sửa chữa, cải tạo công trình và thay đổi thiết kế xây dựng công trình

a) Đối với các công trình sửa chữa, cải tạo nên phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình và có các nội dung thay đổi nêu tại mục b của khoản này thì phải thực hiện theo quy định của Thông tư 13/2013/TT-BXD.

b) Thẩm tra lại khi thay đổi thiết kế xây dựng công trình

Thiết kế xây dựng công trình khi điều chỉnh thiết kế do thay đổi về: Địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu chính của kết cấu chịu lực chính, biện pháp tổ chức thi công làm ảnh hưởng tới an toàn chịu lực của công trình thì phải tổ chức thẩm tra, thẩm định và phê duyệt lại thiết kế hạng mục thay đổi hoặc toàn bộ công trình (nếu thay đổi làm ảnh hưởng đến an toàn công trình) theo các quy định tại Quy định này và pháp luật có liên quan.

7. Thời gian thẩm tra thiết kế xây dựng

a) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình thẩm tra thiết kế, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không đúng quy định).

b) Thời gian bắt đầu thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng được tính từ ngày cơ quan này nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I: Thời gian thẩm tra không quá 40 ngày làm việc.

d) Đối với các công trình còn lại (trừ các công trình đã quy định tại điểm c, điểm d, khoản 1 Điều này): Thời gian thẩm tra không quá 30 ngày làm việc.

đ) Đối với công trình thiết kế một bước và nhà ở riêng lẻ: Thời gian thẩm tra không quá 20 ngày làm việc.

e) Tùy theo khối lượng công việc thẩm tra lại, thời gian thẩm tra do cơ quan chuyên môn về xây dựng quyết định nhưng không vượt quá thời gian quy định tại Khoản này.

Điều 14. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra công trình, bao gồm:

a) Kế hoạch, nội dung và hồ sơ, tài liệu cần được kiểm tra tại một số giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình. Số lần kiểm tra phụ thuộc vào quy mô và tính chất kỹ thuật của công trình nhưng tối đa không quá 4 lần đối với công trình cấp đặc biệt, không quá 3 lần đối với công trình cấp I và không quá 2 lần đối với các công trình còn lại, trừ trường hợp công trình có sự cố về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng hoặc trong các trường hợp khác do chủ đầu tư đề nghị;

b) Kế hoạch, nội dung và hồ sơ, tài liệu cần được kiểm tra trước khi chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng tiến hành kiểm tra công trình lần cuối sau khi nhận được báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư 10/2013/TT-BXD. Nội dung kiểm tra phải được lập thành biên bản, tập trung vào sự tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo an toàn của công trình, đảm bảo công năng và an toàn vận hành của công trình theo thiết kế, cụ thể:

a) Kiểm tra hiện trạng các bộ phận công trình bằng trực quan và kiểm tra các số liệu quan trắc, đo đạc;

b) Kiểm tra sự tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình trên cơ sở kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng được lập theo quy định tại Phụ lục 5 Thông tư 10/2013/TT-BXD và trao đổi với các bên có liên quan trong quá trình kiểm tra;

c) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định khác của pháp luật về xây dựng có liên quan.

3. Trong quá trình kiểm tra, cơ quan chuyên môn về xây dựng có thể yêu cầu chủ đầu tư và các nhà thầu giải trình, làm rõ về các nội dung kiểm tra hoặc chỉ định tổ chức tư vấn thực hiện việc kiểm định các bộ phận, hạng mục công trình có biểu hiện không đảm bảo chất lượng hoặc thiếu cơ sở đảm bảo chất lượng công trình theo yêu cầu của thiết kế.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng phải thông báo kết quả kiểm tra cho chủ đầu tư trong thời hạn quy định tại điểm d khoản 3 Điều 32 Nghị định 15/2013/NĐ-CP. Thông báo kết quả kiểm tra được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

5. Cơ quan chuyên môn về xây dựng được quyền yêu cầu các đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

6. Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập dự toán và tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 15. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng từ khâu khảo sát, thiết kế đến thi công xây dựng và nghiệm thu công trình, thanh quyết toán công trình, bảo hành công trình đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tuân thủ quy định của Luật Xây dựng, Nghị định 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 10/2013/TT-BXD, Thông tư 13/2013/TT-BXD và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trước Chủ tịch UBND cấp quyết định đầu tư và trước pháp luật.

2. Lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để thực hiện các công việc: Khảo sát, thiết kế, thẩm tra, giám sát, thi công và nghiệm thu các công trình xây dựng và các công việc khác có liên quan. Khi lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư căn cứ năng lực, kinh nghiệm của các nhà thầu được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng, UBND tỉnh, Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

3. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa chủ đầu tư với ban quản lý dự án hoặc tư vấn quản lý dự án, thực hiện theo khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 2 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

4. Thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình của chủ đầu tư.

a) Đối với các công trình không thuộc đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP:

- Trường hợp thiết kế một bước: Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và trình người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công cùng với báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

- Trường hợp thiết kế hai bước, thiết kế ba bước hoặc thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở: Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật (đối với trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (đối với trường hợp thiết kế hai bước) và thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở.

Trong quá trình thẩm định, khi cần thiết chủ đầu tư thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện thẩm tra các nội dung phục vụ thẩm định, phê duyệt thiết kế. Nội dung thẩm tra theo quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 4 của Điều 3 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

b) Đối với các công trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách nhà nước, công trình sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, công trình đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản tập trung, công trình được đầu tư theo hình thức: Xây dựng - chuyển giao (BT), xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp tác công - tư (PPP) và những công trình đầu tư bằng những nguồn vốn hỗn hợp khác theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP:

- Trường hợp thiết kế một bước: Chủ đầu tư trình cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 3 và Điều 5 Quy định này để thẩm tra thiết kế công trình và tổ chức thẩm định trước khi trình người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công cùng với báo cáo kinh- tế kỹ thuật xây dựng công trình.

- Trường hợp thiết kế hai bước, thiết kế ba bước hoặc thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở : Chủ đầu tư trình cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 3 và Điều 5 Quy định này để thẩm tra thiết kế công trình và tổ chức thẩm định trước khi phê duyệt thiết kế.

c) Đối với các công trình không sử dụng vốn ngân sách nhà nước được quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, chủ đầu tư thực hiện thẩm tra thiết kế trước khi phê duyệt thiết kế như sau :

- Trình cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 3 và Điều 5 Quy định này để thẩm tra thiết kế.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thẩm tra thì giới thiệu một số tổ chức, cá nhân có chức năng tư vấn thẩm tra thiết kế đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng, Bộ Xây dựng để chủ đầu tư lựa chọn và ký hợp đồng tư vấn thẩm tra thiết kế phù hợp với loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật. Trong các nội dung chủ đầu tư hợp đồng tư vấn thẩm tra, phải có đủ các nội dung thẩm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 13/2013/TT-BXD. Chủ đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra với cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để quản lý.

d) Nội dung thẩm định thiết kế xây dựng của chủ đầu tư, theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư 13/2013/TT-BXD;

đ) Phê duyệt thiết kế xây dựng công trình, theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 13/2013/TT-BXD;

5. Hồ sơ trình thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, theo quy định tại Điều 7 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

6. Quản lý chất lượng khảo sát xây dựng và thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Điều 13, Điều 18 và Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Điều 10 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

7. Lập kế hoạch và biện pháp quản lý chất lượng công trình theo quy định tại Điều 16 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

8. Quản lý chất lượng vật liệu cấu kiện, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình theo quy định tại Điều 17 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

9. Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định 15/2013/NĐ-CP; Điều 15, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

10. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng: Đối với các công trình thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, sau khi khởi công chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo gửi cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp quy định tại Điều 3 và Điều 5 Quy định này các thông tin sau: Tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình.

11. Thanh quyết toán công trình thực hiện theo đúng Quy định tại Thông tư 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính.

12. Tổ chức thực hiện bảo hành công trình theo quy định tại Chương V Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Điều 23 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

13. Giải quyết sự cố theo quy định tại Chương VI Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Điều 21 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

14. Không nghiệm thu những khối lượng nhà thầu thực hiện không đúng các cam kết đã lập tại hồ sơ trúng thầu được phê duyệt, các cam kết trong hợp đồng nhận thầu, các sản phẩm chưa được hệ thống quản lý chất lượng công trình xây dựng của nhà thầu nghiệm thu, các sản phẩm chưa được kiểm định chất lượng vật liệu đầu vào hoặc thực hiện việc kiểm định chưa có sự tham gia giám sát của chủ đầu tư, các công việc dễ xảy ra tai nạn lao động hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

15. Thường xuyên kiểm tra và đôn đốc công tác giám sát thi công xây dựng do ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn quản lý dự án và nhà thầu giám sát thi công xây dựng thực hiện; tạo điều kiện, tổ chức tiếp nhận, xử lý và trả lời các ý kiến của giám sát cộng đồng dân cư nơi xây dựng công trình.

16. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi nghiệm thu các sản phẩm khảo sát, thiết kế, xây dựng, lắp đặt thiết bị không đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, không phù hợp với định mức đơn giá xây dựng gây lãng phí đầu tư.

17. Lập báo cáo về tình hình chất lượng công trình theo mẫu Phụ lục 3, Thông tư 10/2013/TT-BXD, gửi cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp tại Điều 3 và Điều 5 Chương II Quy định này.

18. Kiểm tra và thực hiện đầy đủ các điều kiện trước khi khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng; gửi bản sao các văn bản pháp lý liên quan, tiến độ hoàn thành các hạng mục công trình đến các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp tại Điều 3, Điều 5 Quy định này và thông báo khởi công xây dựng công trình với UBND cấp xã nơi xây dựng công trình theo quy định.

19. Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định tại Điều 28 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

20. Mua bảo hiểm công trình theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu khảo sát, thiết kế xây dựng công trình

1. Phải thực hiện việc kê khai thông tin về năng lực, kinh nghiệm hoạt động xây dựng của đơn vị trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng hoặc khi có thay đổi. Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai phải tự chịu trách nhiệm về tính trung thực và khách quan của các thông tin này. Những tổ chức, cá nhân không kê khai thông tin về năng lực kinh nghiệm hoạt động xây dựng hoặc thông tin không chính xác thì không được tham gia nhận thầu thực hiện công tác tư vấn xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

2. Chỉ được nhận thầu khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực đã được công bố và năng lực hành nghề theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về chất lượng các nội dung tư vấn theo quy định của pháp luật và cam kết trong hợp đồng kinh tế; phải bồi thường thiệt hại khi đề ra nhiệm vụ khảo sát, sử dụng thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, giải pháp kỹ thuật, công nghệ không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng, và các hư hỏng, sự cố công trình do lỗi thiết kế gây ra trong niên hạn sử dụng công trình. Tùy theo mức độ vi phạm còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 28 Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

5. Lập quy trình bảo trì công trình xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì công trình xây dựng theo Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công nghiệp, vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

6. Phối hợp với chủ đầu tư xác định cấp công trình và các chỉ dẫn kỹ thuật trong quá trình thiết kế theo quy định; kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu khi công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng có biểu hiện không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế hoặc xảy ra sự cố trong quá trình thi công.

7. Phải có hệ thống tự quản lý chất lượng sản phẩm phù hợp với yêu cầu công việc, thực hiện kiểm tra, kiểm soát trước khi bàn giao cho chủ đầu tư.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình

1. Phải thực hiện việc kê khai thông tin về năng lực, kinh nghiệm hoạt động xây dựng của đơn vị trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng hoặc khi có thay đổi. Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai phải tự chịu trách nhiệm về tính trung thực và khách quan của các thông tin này. Những tổ chức, cá nhân không kê khai thông tin về năng lực kinh nghiệm hoạt động xây dựng hoặc thông tin không chính xác thì không được tham gia nhận thầu thực hiện công việc giám sát thi công xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

2. Cử người có đủ năng lực theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của giám sát trưởng và các chức danh giám sát khác. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng giám sát thi công xây dựng công trình theo yêu cầu hợp đồng xây dựng, đề cương đã được chủ đầu tư chấp thuận và quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Chỉ được nhận thầu giám sát thi công xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động giám sát thi công xây dựng công trình, năng lực hành nghề giám sát, thi công xây dựng công trình.

4. Nghiệm thu các công việc do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng.

5. Không được thông đồng với nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư xây dựng công trình hoặc có các hành vi vi phạm khác làm sai lệch kết quả giám sát.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng theo quy định tại Điều 26 Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Điều 17 Thông tư 10/2013/TT-BXD.

Điều 19. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng.

1. Phải thực hiện việc kê khai thông tin về năng lực, kinh nghiệm hoạt động xây dựng của đơn vị trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng hoặc khi có thay đổi. Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai phải tự chịu trách nhiệm về tính trung thực và khách quan của các thông tin này. Những tổ chức, cá nhân không kê khai thông tin về năng lực kinh nghiệm hoạt động xây dựng hoặc thông tin không chính xác thì không được tham gia nhận thầu thực hiện công tác thi công xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

2. Chỉ được nhận thầu thi công xây dựng công trình, cung ứng và lắp đặt thiết bị trong công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động thi công xây dựng.

3. Khi triển khai thi công công trình phải bố trí đủ máy móc, thiết bị và cán bộ kỹ thuật có trình độ năng lực như đã cam kết trong hồ sơ dự thầu. Trong đó chỉ huy trưởng công trường phải là người học qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ do cơ quan có chức năng tổ chức và cấp giấy chứng nhận.

4. Chịu trách nhiệm quản lý chất lượng thi công xây dựng, cung ứng và lắp đặt thiết bị theo các nội dung sau: Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô công trình xây dựng; thiết kế biện pháp thi công đảm bảo an toàn, thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ; thực hiện các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, sản phẩm xây dựng; lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định; nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công cho bộ phận công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng và công trình xây dựng hoàn thành; chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu và lập phiếu yêu cầu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu.

5. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do đơn vị đảm nhận và do các nhà thầu phụ thực hiện; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không bảo đảm chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi vi phạm khác gây ra hư hỏng công trình xây dựng, sự cố công trình trong niên hạn sử dụng công trình. Tùy theo mức độ vi phạm, nhà thầu còn bị đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Trong thời gian bảo hành, các hư hỏng do lỗi của nhà thầu thi công xây dựng, cung ứng và lắp đặt thiết bị trong công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình nhà thầu thi công phải tổ chức khắc phục ngay.

Điều 20. Trách nhiệm của các Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tổ chức và hoạt động của phòng thí nghiệm theo quy định tại Chương IV của Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, ban hành theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Phải thực hiện việc kê khai thông tin về năng lực, kinh nghiệm hoạt động xây dựng của đơn vị trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng, Bộ xây dựng. Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai phải tự chịu trách nhiệm về tính trung thực và khách quan của của các thông tin. Những tổ chức, cá nhân không kê khai thông tin về năng lực kinh nghiệm hoạt động xây dựng hoặc thông tin không chính xác thì không được tham gia nhận thầu thực hiện công tác thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công trình các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

3. Thực hiện các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu của thiết kế, thỏa mãn tối thiểu các yêu cầu:

a) Đảm bảo tính khách quan và tính chính xác của các phép thử theo tiêu chuẩn đã đăng ký. Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức và quản lý hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận.

b) Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm được công nhận phải gửi bản sao quyết định công nhận và thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng trước khi tiến hành hoạt động.

c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Điều 24 của Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc người quản lý sử dụng công trình

1. Chủ quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, vận hành và bảo trì công trình từ khi tiếp nhận bàn giao đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành công trình, chủ đầu tư và các nhà thầu thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật đối với việc bảo hành công trình.

2. Trong thời gian bảo hành, chủ sở hữu, chủ sử dụng có trách nhiệm xem xét phát hiện hư hỏng, yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị sửa chữa, thay thế. Trường hợp các nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình có quyền lấy kinh phí từ tiền bảo hành công trình để thuê nhà thầu khác thực hiện.

3. Tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quy trình bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Mối quan hệ phối hợp của các cơ quan, tổ chức

1. Chi phí và phí thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 8 Thông tư 13/2013/TT-BXD và Thông tư của Bộ Tài Chính.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; các Sở, ban, ngành có dự án đầu tư xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND cấp huyện, có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình chất lượng công trình xây dựng do ngành, địa phương, đơn vị mình quản lý về Sở Xây dựng theo định kỳ trước trước ngày 05 tháng 12 hàng năm theo mẫu quy định.

3. Hàng năm Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thông báo kế hoạch hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành gửi UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan.

4. Phối hợp thực hiện thanh kiểm tra: Ngoài nội dung hoạt động theo chuyên ngành, hàng năm Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện, Ban quản lý khu kinh tế thực hiện các đợt kiểm tra quản lý chất lượng công trình xây dựng các dự án trọng điểm, các dự án quy mô lớn và có yêu cầu cao về chất lượng công trình.

5. Hàng năm Sở Xây dựng chủ trì phối hợp các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức phổ biến pháp luật về chất lượng công trình xây

dụng; công bố danh sách những công trình không đạt chất lượng, những tổ chức và cá nhân vi phạm về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 23. Xử lý vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Khi có tranh chấp về chất lượng công trình xây dựng, các bên liên quan phải lập và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp tại Điều 3 và Điều 5 Quy định này để xử lý. Nếu các bên không thỏa thuận được, cơ quan quản lý công trình xây dựng có thẩm quyền chỉ định tổ chức kiểm định độc lập thực hiện giám định về chất lượng để xử lý.

2. Những tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về chất lượng công trình xây dựng phải bồi thường thiệt hại do mình gây ra và theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật. Ngoài ra Sở Xây dựng sẽ công bố danh sách những cá nhân, tổ chức vi phạm trên trang thông tin điện tử của ngành Xây dựng;

Điều 24. Xử lý chuyển tiếp

1. Về kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc đối tượng phải được kiểm tra trước khi đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều 24 Thông tư 10/2013/TT-BXD, như sau :

a) Đối với công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng trước ngày có hiệu lực của Quy định này, việc nghiệm thu công trình được thực hiện theo quy định tại Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

b) Đối với công trình được nghiệm thu hoàn thành từ sau ngày có hiệu lực của Quy định này, việc nghiệm thu công trình thực hiện theo quy định của Nghị định 15/2013/NĐ-CP và Quy định này.

2. Về thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 Thông tư 13/2013/TT-BXD thực hiện như sau:

a) Đối với công trình đã được phê duyệt thiết kế từ sau ngày 15 tháng 4 năm 2013 cho đến ngày Quy định này có hiệu lực, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra và quyết định phê duyệt thiết kế (bằng đường bưu điện hoặc trực tiếp) đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 3 và Điều 5 Quy định này để quản lý.

b) Đối với công trình chưa được phê duyệt thiết kế từ sau ngày Quy định này có hiệu lực, yêu cầu chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện theo Quy định này.

Điều 25 . Điều khoản thi hành.

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan liên quan, các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này và các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để được hướng dẫn, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

Phụ lục 01

(Kèm theo quyết định số 04p/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2014
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

**UBND HUYỆN/ THÀNH
PHỐ/THỊ XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/BC-UBND...., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**về tình hình chất lượng và công tác quản lý
chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện/thành phố/thị xã....
Năm**

Kính gửi: Sở Xây dựng

I. Tổng số công trình xây dựng/ dự án đầu tư xây dựng (trường hợp dự án có nhiều công trình xây dựng) đang được thi công xây dựng trên địa bàn

1. Tổng số công trình xây dựng (tất cả các nguồn vốn trừ nhà ở riêng lẻ) trong kỳ báo cáo:

Loại công trình chính	Đang thi công					Đã hoàn thành				
	Cấp công trình chính					Cấp công trình chính				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Dân dụng										
Công nghiệp										
Giao thông										
Nông nghiệp và PTNT										
Hạ tầng kỹ thuật										
Tổng số										

2. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương;

3. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương;

4. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác;

II. Sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng:

1. Số lượng sự cố:

Loại công trình chính	Sự cố cấp đặc biệt nghiêm trọng		Sự cố cấp I		Sự cố cấp II		Sự cố cấp III	
	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng
Dân dụng								
Công nghiệp								
Giao thông								
Nông nghiệp và PTNT								
Hạ tầng kỹ thuật								
Tổng số								

2. Mô tả loại sự cố, thiệt hại về công trình, vật chất và về người; đánh giá nguyên nhân và giải quyết sự cố.

III. TÌNH HÌNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG:

1. Chất lượng khảo sát, thiết kế (thông qua công tác thẩm tra thiết kế theo Quy định phân cấp của UBND tỉnh):

a) Số lượng hồ sơ thiết kế công trình được thẩm tra theo Quy định phân cấp của UBND tỉnh;

b) Chất lượng thiết kế;

c) Cắt giảm chi phí đầu tư (số tiền, tỷ lệ % trước và sau thẩm tra);

2. Chất lượng thi công xây dựng (thông qua công tác kiểm tra trong thi công và nghiệm thu theo Quy định phân cấp của UBND tỉnh):

a) Số lượng các công trình được kiểm tra theo Quy định phân cấp của UBND tỉnh;

b) Chất lượng thi công xây dựng và công tác quản lý chất lượng;

3. Số lượng các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng vi phạm về quản lý chất lượng bị xử lý vi phạm hành chính.

5. Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng; đình chỉ khác thác, sử dụng.

IV. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 02

(Kèm theo Quyết định số **54**/2014/QĐ-UBND ngày **22** tháng 01 năm 2014
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

UBND TỈNH HÀ TĨNH
TÊN SỞ QUẢN LÝ CÔNG
TRÌNH XÂY DỰNG
Số:/BC-S....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
..... ngày tháng năm

BÁO CÁO
về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng
do Sở quản lý
Năm

Kính gửi: Sở Xây dựng

I. Các công trình xây dựng do Sở quản lý

1. Tổng số công trình xây dựng :

Loại công trình	Đang thi công					Đã hoàn thành				
	Cấp công trình chính					Cấp công trình chính				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Công trình chuyên ngành										
Tổng số										

2. Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

3. Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác:

II. Sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng

1. Số lượng sự cố:

Loại công trình	Sự cố cấp đặc biệt nghiêm trọng		Sự cố cấp I		Sự cố cấp II		Sự cố cấp III	
	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng	Đang thi công	Đang sử dụng
Chuyên ngành								
Tổng số								

2. Mô tả loại sự cố, thiệt hại về công trình, vật chất và về người; đánh giá nguyên nhân và giải quyết sự cố.

III. Tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng:

1. Chất lượng khảo sát, thiết kế (thông qua công tác thẩm tra thiết kế theo Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP):

a) Số lượng hồ sơ thiết kế công trình được thẩm tra theo quy định tại Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP;

b) Chất lượng thiết kế;

c) Cắt giảm chi phí đầu tư (số tiền, tỷ lệ % trước và sau thẩm tra);

d) Các đánh giá khác.

Trường hợp việc thẩm tra thiết kế công trình theo quy định tại Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP được thực hiện bởi tổ chức tư vấn do cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ định thì các thông tin nêu trên căn cứ kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn.

2. Chất lượng thi công xây dựng (thông qua công tác kiểm tra trong thi công và nghiệm thu):

a) Số lượng các công trình được kiểm tra theo quy định tại Điều 32 Nghị định 15/2013/NĐ-CP;

b) Chất lượng thi công xây dựng và công tác quản lý chất lượng.

3. Số lượng các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng vi phạm về quản lý chất lượng bị xử lý vi phạm hành chính.

5. Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng; đình chỉ khác thác, sử dụng.

IV. Các nội dung báo cáo khác và kiến nghị:

1. Kết quả kiểm tra chất lượng công trình định kỳ và đột xuất theo quy định tại Điều 32 của Thông tư Số: 10/2013/TT-BXD, Thông tư Bộ Xây dựng.

2. Các ý kiến, kiến nghị (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 03

(Kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 22/11/2014 của UBND Tỉnh)

UBND phường, xã.....

Số: /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....Ngày tháng năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
QUÝ....NĂM 200....**

(Định kỳ 6 tháng/lần vào ngày cuối của từng Quý trong năm, kể cả nhà ở riêng lẻ của dân tự xây dựng)

Kính gửi: UBND thành phố, thị xã, huyện ...

UBND phường, xã... báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng đối với các chủ đầu tư có công trình xây dựng trên địa bàn như sau:

1. Công trình xây dựng khởi công:

T T	Tên công trình/ Địa điểm xây dựng	Dự án/ thuộc nhóm/ Tổng vốn đầu tư	Tên Chủ đầu tư/ Cấp Quyết định đầu tư	Diện tích XD/ Tổng diện tích sàn/ Số tầng	Tên nhà thầu thi công XD	Hình thức quản lý Dự án		Hình thức quản lý chất lượng CTXD		Ngày/ tháng/ năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành
						CĐT trực tiếp quản lý dự án (thành lập BQLDA)	CĐT thuê TVQLDA (tên tổ chức TV)	CĐT tự tổ chức GS	Thuê tổ chức TVGS (tên tổ chức TVGS)	
1										
...										

2. Sự cố công trình xây dựng:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm	Tên Chủ đầu tư	Tên nhà thầu Thi công xây dựng	Tên nhà thầu Tư vấn giám sát	Giờ/Ngày/Tháng xảy ra sự cố	Mô tả tóm tắt sự cố/Tình hình giải quyết hậu quả sự cố
1							
....							

3. Tình hình kiểm tra về đảm bảo trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường theo Quy định của Thành phố:

TT	Tên công trình được kiểm tra/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm	Tên Chủ đầu tư	Thành phần Đoàn kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra
1						

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)